

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3575/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách địa phương năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (Văn bản số 3451/STC-QLNS ngày 21/12/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2020 theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / .*Long*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTC. *mm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Thiện
Nguyễn Khắc Thiện



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 3575 /QĐ-UBND ngày 28 /12/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2020 | ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020 | SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%) | |
|-------------|---|---------------------|------------------------------|----------------------------------|-------------------------|
| | | | | DỰ TOÁN NĂM | CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| A | TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 16.110.619 | 18.370.153 | 114,0 | 103,6 |
| | TỔNG THU NSDP | 13.412.459 | 16.096.808 | 120,0 | 107,6 |
| I | Thu cân đối NSNN | 8.212.000 | 8.011.000 | 97,6 | 86,9 |
| 1 | Thu nội địa | 7.062.000 | 6.861.000 | 97,2 | 84,5 |
| 2 | Thu từ dầu thô | | | | |
| 3 | Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu | 1.150.000 | 1.150.000 | 100,0 | 104,5 |
| 4 | Thu viện trợ | | | | |
| II | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | 2.516.436 | | |
| III | Thu kết dư | | 210.430 | | |
| IV | Trợ cấp NSTW | 7.305.922 | 6.938.761 | 95,0 | 116,4 |
| V | Tạm thu ngân sách huyện, xã | | | | |
| VI | Trợ cấp bổ sung các CTMT quốc gia | 592.697 | 592.697 | | |
| VII | Thu từ quỹ dự trữ tài chính | | 39.517 | | |
| VIII | Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên | | 30.277 | | |
| IX | Tạm vay NSNN | | 1.035 | | |
| IX | Các khoản ghi thu trên địa bàn | | 30.000 | | |
| B | TỔNG CHI NSDP | 13.412.459 | 16.096.808 | 120,0 | 107,6 |
| I | Chi cân đối NSDP | 12.754.162 | 15.408.743 | 120,8 | 106,8 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 4.240.618 | 5.668.857 | 133,7 | 107,4 |
| 2 | Chi thường xuyên | 8.315.764 | 9.592.790 | 115,4 | 109,4 |
| 3 | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay | 3.500 | | | |
| 4 | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 1.450 | 1.450 | | |
| 5 | Dự phòng ngân sách | 192.830 | | | |
| 6 | Chi thực hiện CCTL | | 13.800 | | |
| 7 | Chi nộp ngân sách cấp trên | | 131.846 | | |
| II | Chi chương trình mục tiêu quốc gia | 592.697 | 592.465 | | |
| III | Các khoản ghi chi trên địa bàn | | 30.000 | | |
| C | BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP | 65.600 | 65.600 | | |
| D | CHI TRẢ NỢ GỐC | 65.600 | 65.600 | | |
| E | CHI TẠM ỨNG | | | | |

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 3575/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2020 | ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020 | SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%) | |
|------------|---|------------------|------------------------|-------------------------------|-------------------|
| | | | | DỰ TOÁN NĂM | CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| A | TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 8.212.000 | 8.011.000 | 97,6 | 86,9 |
| I | Thu nội địa | 7.062.000 | 6.861.000 | 97,2 | 84,5 |
| 1 | Thu từ khu vực DNNN | 435.000 | 590.000 | 135,6 | 116,8 |
| 2 | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 85.000 | 121.000 | 142,4 | 102,5 |
| 3 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | 2.033.000 | 1.700.000 | 83,6 | 88,6 |
| 4 | Thuế thu nhập cá nhân | 215.000 | 270.000 | 125,6 | 125,6 |
| 5 | Thuế bảo vệ môi trường | 2.370.000 | 1.600.000 | 67,5 | 63,5 |
| 6 | Lệ phí trước bạ | 320.000 | 290.000 | 90,6 | 94,8 |
| 7 | Thu phí, lệ phí | 67.000 | 75.000 | 111,9 | 102,0 |
| 8 | Các khoản thu về nhà, đất | 1.372.000 | 1.882.000 | 137,2 | 89,2 |
| - | Thuế sử dụng đất nông nghiệp | - | - | - | - |
| - | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 14.000 | 17.000 | - | 113,3 |
| - | Thu tiền sử dụng đất | 1.198.000 | 1.700.000 | 141,9 | 91,9 |
| - | Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước | 160.000 | 165.000 | 103,1 | 89,2 |
| - | Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước | - | - | - | - |
| 9 | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | 20.000 | 56.000 | 280,0 | 105,7 |
| 10 | Thu lợi nhuận còn lại | 8.000 | 7.000 | - | 87,5 |
| 11 | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết | 44.000 | 47.000 | 106,8 | 109,3 |
| 12 | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác | 18.000 | 33.000 | 183,3 | 89,2 |
| 13 | Thu khác ngân sách | 75.000 | 190.000 | 253,3 | 91,6 |
| 14 | Thu từ các khoản cho vay của ngân sách | - | - | - | - |
| II | Thu từ dầu thô | - | - | - | - |
| III | Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu | 1.150.000 | 1.150.000 | 100,0 | 104,5 |
| IV | Thu viện trợ | - | - | - | - |
| B | THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP | 5.509.640 | 5.767.655 | 104,7 | 89,5 |
| 1 | Từ các khoản thu phân chia | 2.968.940 | 2.654.780 | - | - |
| 2 | Các khoản thu NSDP được hưởng 100% | 2.540.700 | 3.112.875 | - | - |

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 3575/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh)

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2020 | ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020 | SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%) | |
|------------|---|---------------------|------------------------------|----------------------------------|-------------------------|
| | | | | DT NĂM | CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| | TỔNG CHI NSDP | 13.412.459 | 16.096.808 | 120,0 | 107,6 |
| A | CHI CÂN ĐỐI NSDP | 12.754.162 | 15.408.743 | 120,8 | 106,8 |
| I | Chi đầu tư phát triển | 4.240.618 | 5.668.857 | 133,7 | 107,4 |
| 1 | Chi đầu tư cho các dự án | 4.240.618 | 5.668.857 | 133,7 | 107,4 |
| 2 | Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN hoạt động công ích | | | | |
| II | Chi thường xuyên | 8.315.764 | 9.592.790 | 115,4 | 109,4 |
| 1 | Chi an ninh quốc phòng | 240.840 | 265.263 | 110,1 | 97,0 |
| 2 | Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo | 3.225.495 | 3.289.118 | 102,0 | 103,3 |
| 3 | Chi sự nghiệp y tế, dân số KHHGD | 761.764 | 966.348 | 126,9 | 123,3 |
| 4 | Chi sự nghiệp khoa học công nghệ | 31.680 | 32.284 | 101,9 | 108,6 |
| 5 | Chi sự nghiệp văn hóa TT.TT & DL | 121.193 | 121.698 | 100,4 | 113,0 |
| 6 | Chi SN phát thanh truyền hình | 54.427 | 54.966 | 101,0 | 116,5 |
| 7 | Chi đảm bảo xã hội | 1.040.510 | 1.491.571 | 143,3 | 135,4 |
| 8 | Chi sự nghiệp kinh tế | 832.283 | 1.226.625 | 147,4 | 95,3 |
| | Trong đó: | | | | |
| | -Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi | 53.035 | 451.323 | 851,0 | |
| | -SN kinh tế khác | 322.779 | 336.194 | 104,2 | |
| | -Chi hỗ trợ cho DN do miễn giảm thủy lợi phí | 295.142 | 295.142 | 100,0 | |
| 9 | Chi sự nghiệp Tài nguyên và môi trường | 255.861 | 231.183 | 90,4 | 97,1 |
| 10 | Chi quản lý hành chính | 1.611.290 | 1.706.625 | 105,9 | 105,2 |
| 11 | Chi trợ giá | 15.500 | 15.500 | 100,0 | 109,5 |
| 12 | Chi khác ngân sách | 80.625 | 147.313 | 182,7 | 222,5 |
| 13 | Vốn ngoài nước | 23.880 | 23.880 | 100,0 | |
| 14 | 10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL | 20.416 | 20.416 | 100,0 | |
| III | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay | 3.500 | | 0,0 | 0,0 |
| IV | Dự phòng ngân sách | 192.830 | | 0,0 | |
| V | Chi nộp ngân sách cấp trên | | 131.846 | | |
| VI | Chi thực hiện CCTL | | 13.800 | | |
| VII | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 1.450 | 1.450 | 100,0 | 100,0 |
| B | CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA | 592.697 | 592.465 | 100,0 | 186,9 |
| C | BỘI THU - TRẢ NỢ VAY | 65.600 | 65.600 | 100,0 | 108,4 |
| D | CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN | | 30.000 | | 18,7 |

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020**

1. Về thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN): Ước cả năm thực hiện 18.370,1 tỷ đồng, đạt 114% dự toán năm, bằng 103,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP): Ước cả năm thực hiện 16.096,8 tỷ đồng, đạt 120% dự toán năm, bằng 107,6% so với cùng kỳ năm 2019 (*do thu chuyên môn năm 2019 sang năm 2020 ngoài dự toán là 2.516,4 tỷ đồng*); trong đó:

* *Thu nội địa*: Ước cả năm thực hiện 6.861 tỷ đồng, bằng 97,2% so với dự toán, chiếm tỷ trọng 42,6% tổng thu NSDP, cụ thể:

- Thu nội địa được hưởng (loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, ghi thu ghi chi, đền bù GPMB, thu bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước): Ước cả năm thực hiện 3.964,6 tỷ đồng, bằng 94% dự toán năm¹, trong đó:

+ Ngân sách cấp tỉnh: Ước cả năm thực hiện 2.525,8 tỷ đồng, đạt 91,2% dự toán.

+ Ngân sách cấp huyện, cấp xã: Ước cả năm thực hiện 1.438,8 tỷ đồng, bằng 99% dự toán.

- Thu tiền sử dụng đất: Ước cả năm thực hiện 1.700 tỷ đồng, tăng 41,9% với số tăng thu 502 tỷ đồng so dự toán năm (*trong đó: ngân sách cấp tỉnh dự kiến tăng 767 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện dự kiến hụt 65 tỷ đồng, ngân sách cấp xã dự kiến hụt 200 tỷ đồng so với dự toán*).

* *Thu thuế xuất, nhập khẩu*: Ước cả năm thực hiện 1.150 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán, bằng 104,5% so với cùng kỳ năm 2019.

* *Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương*: Ước cả năm thực hiện 6.938,7 tỷ đồng², bằng 95% dự toán năm (trong đó: bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán là 352,8 tỷ đồng³).

2. Về chi ngân sách:

Tổng chi cân đối NSDP (bao gồm cả bội thu): Ước cả năm (*bao gồm dự toán giao đầu năm và các nhiệm vụ chi bổ sung trong năm*) thực hiện 16.096,8 tỷ đồng, đạt 120% dự toán, cụ thể:

¹ Theo số liệu của Cục thuế tỉnh, thu nội địa được hưởng từ các khoản thuế, phí và lệ phí (trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, ghi thu ghi chi, đền bù GPMB, thu bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước) để cân đối chi thường xuyên dự kiến hụt thu 252,1 tỷ đồng (trong đó: ngân sách cấp tỉnh hụt thu 241,9 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện hụt thu 30 tỷ đồng, ngân sách cấp xã tăng thu 19,8 tỷ đồng). Dự kiến còn 3 khoản thu, sắc thuế chưa đạt dự toán, gồm: Thuế từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 83,6%; Lệ phí trước bạ đạt 90,6%; Thuế bảo vệ môi trường đạt 67,5% dự toán năm.

² Gồm: Bổ sung cân đối 4.786,4 tỷ đồng; bổ sung có mục tiêu trong dự toán 1.799,4 tỷ đồng; bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán 352,8 tỷ đồng; bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 592,6 tỷ đồng.

³ Gồm: KP tiêu hủy lợn mắc dịch tả lợn Châu Phi: 149,7 tỷ đồng; KP chính sách cho lực lượng lao động tiền trạm KT mới: 35,6 tỷ đồng; KP tổ chức Đại hội Đảng các cấp: 33,3 tỷ đồng; KP phòng chống dịch bệnh Covid-19: 2,2 tỷ đồng; KP hỗ trợ người dân gặp khó khăn do Covid-19: 131,5 tỷ đồng; KP trợ cấp 1 lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng bằng khen: 0,4 tỷ đồng.

* *Chi đầu tư phát triển*: Ước cả năm thực hiện 5.668,8 tỷ đồng, tăng 33,7% với số tuyệt đối tăng 1.428,2 tỷ đồng so với dự toán năm.

* *Chi tiêu dùng thường xuyên*: Ước cả năm thực hiện 9.592,7 tỷ đồng, tăng 15,4% so với dự toán, trong đó:

Chi sự nghiệp khoa học công nghệ ước thực hiện 32,2 tỷ đồng, đạt 101,9% dự toán, bằng 108,6% so với cùng kỳ năm 2019; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 3.289,1 tỷ đồng, đạt 102% dự toán, bằng 103,3% so với cùng kỳ năm 2019; chi sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch ước thực hiện 121,6 tỷ đồng, đạt 100,4% dự toán, bằng 113% so với cùng kỳ năm 2019; sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình ước thực hiện 966,3 tỷ đồng, đạt 126,9% dự toán, bằng 123,3% so với cùng kỳ năm 2019; chi đảm bảo xã hội ước thực hiện 1.491,5 tỷ đồng, đạt 143,3% dự toán, bằng 135,4% so với cùng kỳ năm 2019; chi quản lý hành chính ước thực hiện 1.706,6 tỷ đồng, đạt 105,9% dự toán, bằng 105,2% so với cùng kỳ năm 2019; chi an ninh quốc phòng ước thực hiện 265,2 tỷ đồng, đạt 110,1% dự toán, bằng 97% so với cùng kỳ năm 2019.

* *Chi bội thu (trả nợ vay)*: Ước cả năm thực hiện 65,6 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH